

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 42/2017/HNGĐ - ST

Ngày: 22/9/2017

“V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Văn Thê.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Văn Phẩm

Ông Bùi Ngọc Sơn.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Thế Thiện - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát: Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 180/2017/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2017/QĐXX - HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vi Thị L - Sinh năm 1989 (Có mặt);

Trú quán: Thôn T, xã S L, huyện L Ng, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Lâm Văn M – Sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Trú quán: Thôn T, xã S L, huyện L Ng, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 06/3/2017 và những lời khai tiếp theo của nguyên đơn chị Vi Thị L trình bày:

Chị có kết hôn với anh Lâm Văn ngày 08/5/2007, trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu tự nguyện kết hôn không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã S L, huyện L Ng, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới chị về nhà anh M chung sống với nhau tại thôn Tr, xã S L, huyện L Ng, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau một thời gian chung sống, vợ chồng thường xảy ra xung đột, tính tình không hợp nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm giữa chị và anh M đã hết, anh chị không thể chung sống với nhau được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết việc cho chị được ly hôn với anh Lâm Văn M.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Lâm Văn Mi, sinh ngày 15/7/2010; Ly hôn anh M có nguyện vọng nuôi con chung, không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chị hoàn toàn nhất trí, chị không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, ruộng canh tác, công nợ chung: Anh chị không có gì, chị khụng đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 20/6/2016 bị đơn anh Lâm Văn M trình bày:

Anh có kết hôn với chị Vi Thị L ngày 08/5/2007, trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu tự nguyện kết hôn không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã S L, huyện L Ng, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới chị L về chung sống với anh tại thôn T, xã S L, huyện L Ng, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu anh chị chung sống hũa thuận, hạnh phúc, sau một thời gian chung sống đến năm 2009 vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, chị L bỏ về nhà mẹ đẻ, anh có gọi chị về đoàn tụ được mấy tháng chị L lại tiếp tục bỏ đi, vợ chồng không quan hệ tởnh cảm với nhau nữa, nay chị L xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí, anh đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn càng sớm càng tốt.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Lâm Văn Mi, sinh ngày 15/7/2010; Ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con chung, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, ruộng canh tác, công nợ chung: Anh chị không có gì, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Vi Thị L trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, vì chị và anh M không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mâu thuẫn giữa chị và anh M đã trầm trọng, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lâm Văn M; Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Lâm Văn Mi, sinh ngày 15/7/2010; Ly hôn anh M có nguyện vọng nuôi con chung, không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, chị hoàn toàn nhất trí, chị không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, ruộng canh tác, công nợ chung: Anh chị không có gì, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Vi Thị L tự nguyện xin chịu chịu toàn bộ phần án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa anh Lâm Văn M vắng mặt, Hội đồng xét xử đó tụng bổ lời khai anh Lâm Văn M.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự: Thẩm phán, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật. Thực hiện thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét

xử thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự; Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh về quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành nghiêm chỉnh quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 9; 51; 53; 55; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28; 35; 147; 227; 271; 272; 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vi Thị L và anh Lâm Văn M.

Về con chung: Giao cho anh Lâm Văn M nuôi con chung là Lâm Văn Mi, sinh ngày 15/7/2010, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, vì các đương sự không yêu cầu. Sau khi ly hôn chị L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Vi Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị L đã nộp theo biên lai thu số AA/2015/0000937 ngày 20/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Vi Thị L và anh Lâm Văn M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã S L, huyện L Ng, tỉnh Bắc Giang theo quy định của pháp luật, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, chị L, anh M đều xác định vợ chồng mâu thuẫn, không hợp nhau, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mặc dù đã được hòa giải nhiều lần nhưng không thành, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị L, anh M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị L yêu cầu việc ly hôn với anh M là phù hợp với quy định của pháp luật, anh M cũng nhất trí ly hôn với chị L, nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vi Thị L với anh Lâm Văn M.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Lâm Văn Mi, sinh ngày 15/7/2010, ly hôn anh M có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Mi, anh M không yêu cầu chị L đóng góp cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Chị L cũng hoàn toàn nhất trí với yêu cầu của anh M. Xét ý kiến của các đương sự Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Lâm Văn Mi, sinh ngày 15/7/2010 đã trên 07 tuổi, cháu cũng có nguyện vọng xin được ở với anh M, nên

cần giao cháu Mi cho anh M nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi của trẻ em, phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản, công nợ chung, ruộng canh tác: Chị Vi Thị L và anh Lâm Văn M không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Vi Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 9; 51; 53; 55; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28; 35; 147; 227; 271; 272; 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vi Thị L và anh Lâm Văn M.

Về con chung: Giao cho anh Lâm Văn M nuôi con chung là Lâm Văn Mi, sinh ngày 15/7/2010, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, vì các đương sự không yêu cầu. Sau khi ly hôn chị L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Vi Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị L đã nộp theo biên lai thu số AA/2015/0000937 ngày 20/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- THADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã S L;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa